

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỂM THÔNG NHẤT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất (“Công ty”) trình bày Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2015 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Hưng	Chủ tịch
Bà Ngô Thị Hằng	Thành viên
Ông Hoàng Tùng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Kiêm	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Trương Thúy Anh	Trưởng ban
Bà Bùi Thị Mận	Kiểm soát viên
Bà Phạm Thị Dần	Kiểm soát viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Hưng	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Kiêm	Phó Tổng Giám đốc
Bà Ngô Thị Hằng	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 được trình bày trong Báo cáo tài chính từ trang 6 đến trang 31 kèm theo.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Thực hiện theo công văn số 10187/BCT-TC ngày 02/10/2015 của Bộ Công thương về việc thoái vốn nhà nước của Tổng Công ty Giấy Việt Nam tại Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất, đến thời điểm lập Báo cáo này, Tổng Công ty Giấy Việt Nam đã hoàn thành việc thoái toàn bộ vốn tại Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất.

Ngoài vấn đề nêu trên, Ban Tổng Giám đốc điều hành khẳng định không có bất cứ sự kiện bất thường hoặc sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 31/12/2015 có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đã được thuyết minh trong Báo cáo tài chính hay chưa;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở giả định hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 và Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính (có hiệu lực từ ngày 01/01/2016 và thay thế Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012) hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Hưng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2016

Số: 155 /2016/UHYACA - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 16/03/2016, từ trang 6 đến trang 31 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty, theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ biên bản đối chiếu, xác nhận khoản công nợ phải thu khách hàng được trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015. Các thủ tục kiểm toán thay thế không giúp chúng tôi thu thập được các bằng chứng kiểm toán cần thiết để đánh giá tính hiện hữu của khoản mục phải thu khách hàng với giá trị là 502.069.045 đồng (tương ứng với 22 khách hàng chưa có biên bản đối chiếu, xác nhận); cũng như ảnh hưởng của nó đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 13 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính về sự kiện không chắc chắn liên quan đến kết quả của vụ kiện Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Sông Hồng: Tháng 10 năm 2012, Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất đã gửi đơn khởi kiện lên Tòa án Nhân dân Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội yêu cầu Tòa án tuyên bố vô hiệu đối với Hợp đồng nguyên tắc số 24/2011/HĐNT – SHL ngày 25/07/2011 ký giữa Công ty với Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Sông Hồng và buộc Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Sông Hồng trả lại số tiền ứng trước thuê đất tại Cụm Công nghiệp đa nghề Đông Thọ với giá trị 11.821.660.585 đồng. Tòa án Nhân dân Quận Ba Đình theo Biên bản xét xử sơ thẩm số 13/2013/HNGĐ-ST ngày 28/11/2013 đã tuyên vô hiệu Hợp đồng kinh tế nói trên, buộc Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Sông Hồng phải trả lại cho Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất số tiền đã ứng trước nêu trên. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này bản án nêu trên chưa được thực thi.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên.



Nguyễn Tự Trung
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán số:
1226-2014-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2016

Hà Minh Long
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán số:
1221-2014-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2015

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2015 VND	Tại ngày 01/01/2015 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		49.339.751.799	44.529.832.401
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	14.171.375.997	5.984.209.347
Tiền	111		10.171.375.997	5.984.209.347
Các khoản tương đương tiền	112		4.000.000.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	2.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	-	2.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		23.524.692.480	23.646.226.012
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	20.199.208.099	18.931.269.071
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.174.373.974	3.088.729.070
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	1.823.638.607	2.089.471.536
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	8	(672.528.200)	(463.243.665)
Hàng tồn kho	140		11.590.832.852	12.142.080.312
Hàng tồn kho	141	9	11.590.832.852	12.142.080.312
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		52.850.470	757.316.730
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	51.777.570	114.053.622
Thuế GTGT được khấu trừ	152	15	-	607.369.756
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	1.072.900	35.893.352
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		17.705.799.535	18.165.462.618
Tài sản cố định	220		7.666.125.259	8.187.219.188
Tài sản cố định hữu hình	221	11	7.666.125.259	8.187.219.188
- Nguyên giá	222		32.480.986.583	46.388.417.331
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(24.814.861.324)	(38.201.198.143)
Bất động sản đầu tư	230	12	260.009.586	398.989.848
- Nguyên giá	231		1.745.042.927	4.204.834.235
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.485.033.341)	(3.805.844.387)
Tài sản dở dang dài hạn	240		9.523.316.291	9.529.199.390
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	9.523.316.291	9.529.199.390
Tài sản dài hạn khác	260		256.348.399	50.054.192
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	256.348.399	50.054.192
TỔNG TÀI SẢN	270		67.045.551.334	62.695.295.019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày	Tại ngày
			31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		37.221.669.930	32.763.229.757
Nợ ngắn hạn	310		37.221.669.930	32.763.229.757
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	10.439.020.145	10.509.797.284
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		8.733.036	689.269.037
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	308.844.185	157.803.586
Phải trả người lao động	314		7.708.223.359	6.461.177.640
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	641.878.626	519.231.630
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		68.181.819	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	12.155.589.199	12.920.005.150
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	4.976.544.412	729.823.120
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		914.655.149	776.122.310
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		29.823.881.404	29.932.065.262
Vốn chủ sở hữu	410	19	29.823.881.404	29.932.065.262
Vốn góp của chủ sở hữu	411		22.000.000.000	22.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411		22.000.000.000	22.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		410.000.000	410.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		5.384.522.141	5.112.943.178
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.029.359.263	2.409.122.084
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421		406.519.158	2.409.122.084
- LNST chưa phân phối kỳ này	421		1.622.840.105	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		67.045.551.334	62.695.295.019



Nguyễn Hưng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2016

Ngô Thị Hằng
Kế toán trưởng

Ngô Thị Hằng
Người lập biểu


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	102.431.555.441	105.195.246.079
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	2.872.390	19.776.000
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	22	102.428.683.051	105.175.470.079
Giá vốn hàng bán	11	23	83.977.417.617	87.765.128.520
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		18.451.265.434	17.410.341.559
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	229.883.573	174.302.397
Chi phí tài chính	22	25	114.668.376	273.039.598
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		113.879.166	198.867.354
Chi phí bán hàng	25	26	5.636.756.449	5.341.614.379
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	11.013.570.238	9.951.017.386
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.916.153.944	2.018.972.593
Thu nhập khác	31	28	438.170.662	1.075.909.955
Chi phí khác	32		36.212.282	-
Lợi nhuận khác	40		401.958.380	1.075.909.955
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.318.112.324	3.094.882.548
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	347.537.207	676.853.286
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.970.575.117	2.418.029.262
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	873	1.091



Nguyễn Hưng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2016


Ngô Thị Hằng
Kế toán trưởng


Ngô Thị Hằng
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	98.995.935.663	105.289.275.508
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(64.110.912.367)	(68.431.567.445)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(19.346.891.600)	(19.645.578.364)
Tiền chi trả lãi vay	04	(113.879.166)	(198.867.354)
Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(421.727.453)	(848.760.146)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.827.736.799	1.401.040.863
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(9.787.681.447)	(11.920.332.278)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	7.042.580.429	5.645.210.784
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.535.444.498)	(3.564.777.722)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	40.909.091
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	1.480.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	143.357.447	129.828.812
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.392.087.051)	(5.302.039.819)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	2.170.000.000
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	7.622.314.386	2.946.700.050
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.391.921.794)	(7.561.570.233)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.693.719.320)	(2.800.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	2.536.673.272	(5.244.870.183)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	8.187.166.650	(4.901.699.218)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5.984.209.347	10.885.908.565
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	14.171.375.997	5.984.209.347



Nguyễn Hưng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2016

Ngô Thị Hằng
Kê toán trưởng

Ngô Thị Hằng
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Khái quát chung

Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Diêm Thống Nhất, là doanh nghiệp Nhà nước được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1130/QĐ-TTg ngày 27/08/2001 của Thủ tướng Chính phủ và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100100544 ngày 02/01/2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100544, thay đổi lần thứ 06 ngày 18/04/2014, vốn điều lệ của Công ty là 22.000.000.000 đồng (Hai mươi hai tỉ đồng).

Công ty có trụ sở chính tại: Số 670 Ngô Gia Tự - Đức Giang - Long Biên - Hà Nội.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận doanh nghiệp số 0100100544, thay đổi lần thứ 06 ngày 18/04/2014 bao gồm:

- Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì;
- In và các dịch vụ liên quan đến in (trừ loại hình Nhà nước cấm);
- Xuất nhập khẩu trực tiếp;
- Sản xuất kinh doanh diêm và giấy;
- Kinh doanh bất động sản;

Và các hoạt động kinh doanh khác quy định trên Giấy chứng nhận doanh nghiệp.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất được lập theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.1 Các thay đổi trong chính sách kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp được hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và Thông tư 244/2009/TT-BTC. Theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC, Công ty không thực hiện điều chỉnh hồi tố các ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán.

3.2 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

3.3 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản đầu tư, phải thu khách hàng, phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

3.4 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.5 Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5 Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi (tiếp)

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn. Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 17/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3.6 Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

3.7 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	6 - 30
Máy móc thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 6
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5

3.8 Bất động sản đầu tư và hao mòn

Bất động sản của Công ty là giá trị nhà xưởng do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê, được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 07-15 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.9 Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, kế ước vay và chứng từ ngân hàng. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính. Riêng chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay.

3.10 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng, chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi ngân hàng và lãi tiền gửi tiết kiệm, được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi ngân hàng, tiền gửi tiết kiệm và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ của các ngân hàng.

3.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các kỳ trước.

3.12 Ngoại tệ

Công ty áp dụng Thông tư 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24/10/2012 hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

- Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.
- Cuối năm thực hiện đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

Khoản lãi đánh giá lại chênh lệch tỷ giá tại ngày 31/12/2015 của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được dùng để phân phối.

3.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế Giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng (GTGT) được hạch toán theo phương pháp khấu trừ: thuế GTGT phải nộp được xác định bằng thuế GTGT đầu ra trừ đi (-) thuế GTGT đầu vào được khấu trừ phát sinh trong kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (tiếp)

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành áp dụng cho Công ty trong năm 2015 là 22%.

Trong năm, Công ty được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính với số tiền là 150.677.500 đồng. Đây là khoản chi thêm cho lao động nữ theo hướng dẫn tại tiết a điểm 2.9 Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác

Các loại thuế, phí khác Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

3.14 Bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty trong việc ra các quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại ngày 31/12/2015 VND	Tại ngày 01/01/2015 VND
Tiền mặt	3.374.062.624	985.862.603
Tiền gửi ngân hàng	6.797.313.373	4.998.346.744
Các khoản tương đương tiền	4.000.000.000	-
Cộng	14.171.375.997	5.984.209.347

5 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Tại ngày 31/12/2015		Tại ngày 01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000
+ Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Tại ngày 31/12/2015	Tại ngày 01/01/2015
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	20.199.208.099	18.931.269.071
- Công ty CP VPP Hồng Hà	2.265.934.103	1.186.630.354
- Công ty CP đầu tư bất động sản Thiên Đông	1.400.680.000	1.776.609.998
- Taiping Advertising Matches SDN.BHD	1.267.773.950	1.408.609.800
- Các khoản phải thu khách hàng khác	15.264.820.046	14.559.418.919
Cộng	20.199.208.099	18.931.269.071

Trong đó:

	Tại ngày 31/12/2015	Tại ngày 01/01/2015
	VND	VND
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan		
- Tổng Công ty Giấy Việt Nam	603.900.000	459.448.000
Cộng	603.900.000	459.448.000

7 PHẢI THU KHÁC

	Tại ngày 31/12/2015		Tại ngày 01/01/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	1.823.638.607	-	2.089.471.536	-
- Tạm ứng, trong đó	1.354.480.511	-	2.020.578.018	-
+ Nguyễn Văn Chế	216.007.104	-	723.840.784	-
+ Nguyễn Tiến Phương	864.059.163	-	934.059.163	-
+ Các đối tượng khác	274.414.244	-	362.678.071	-
- Bảo hiểm xã hội	23.945.096	-	54.473.518	-
- Phải thu khác	445.213.000	-	14.420.000	-
Chi cục hải quan cảng nội địa Tiên Sơn (Thuế GTGT nhập khẩu linh kiện bột lửa)	395.613.000	-	-	-
Tổng Công ty Giấy Việt Nam	49.600.000	-	-	-
Cộng	1.823.638.607	-	2.089.471.536	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

8 DỰ PHÒNG CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	Tại ngày 31/12/2015 VND	Tại ngày 01/01/2015 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	672.528.200	463.243.665
Công ty TNHH Giấy Nam Giang	103.051.448	103.051.448
Công ty CP đầu tư Long Giang	170.326.673	-
Công ty CP Phát triển tin học phần mềm cuộc sống	37.912.476	37.912.476
Công ty CP Hóa chất sơn Việt Nam	34.797.828	34.797.828
Công ty TNHH NK Gốm sứ Hamico Hưng Yên	-	66.480.000
Công ty TNHH phát triển công nghệ Tân Tiến	22.000.000	22.000.000
Công ty TNHH gốm sứ Minh Long	55.201.143	55.201.143
Công ty CP sản xuất đồ gỗ mỹ nghệ	45.232.892	55.232.892
Công ty TNHH in TMDV Lam Sơn	29.320.593	20.524.415
Công ty CP CNP Đà Nẵng	46.835.500	-
Công ty CP AMRO Vĩnh Hoàng Phát	31.304.912	-
Các đối tượng khác	96.544.735	68.043.463
Cộng	672.528.200	463.243.665

9 HÀNG TỒN KHO

	Tại ngày 31/12/2015		Tại ngày 01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	8.757.359.056	-	8.471.344.746	-
Công cụ, dụng cụ	75.618.410	-	92.403.382	-
Chi phí sản xuất KD dở dang	832.604.415	-	921.049.063	-
Thành phẩm	1.049.547.754	-	1.376.284.956	-
Hàng hóa	875.703.217	-	964.443.965	-
Cộng	11.590.832.852	-	12.142.080.312	-

10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại ngày 31/12/2015 VND	Tại ngày 01/01/2015 VND
Ngắn hạn	51.777.570	114.053.622
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	51.777.570	114.053.622
Dài hạn	256.348.399	50.054.192
- Chi phí sửa chữa	236.725.746	-
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	19.622.653	50.054.192
Cộng	308.125.969	164.107.814

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỂM THỐNG NHẤT

Số 670 Ngõ Gia Tự - Đức Giang - Long Biên - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.)***11 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị đựng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	12.408.018.844	29.141.864.417	4.678.994.070	159.540.000	46.388.417.331
- Mua trong năm	-	999.725.200	736.397.273	-	1.736.122.473
- Chuyển sang BĐS đầu tư	662.688.000	-	-	-	662.688.000
- Xây dựng trong năm	50.939.825	-	-	-	50.939.825
- Thanh lý	(2.545.049.808)	(13.259.466.238)	(552.665.000)	-	(16.357.181.046)
Tại ngày 31/12/2015	10.576.596.861	16.882.123.379	4.862.726.343	159.540.000	32.480.986.583

HAO MÒN LŨY KẾ

Tại ngày 01/01/2015	11.561.981.779	22.146.101.563	4.435.261.542	57.853.259	38.201.198.143
- Khấu hao trong năm	250.292.531	1.857.016.934	168.938.762	31.908.000	2.308.156.227
- Chuyển sang BĐS đầu tư	662.688.000	-	-	-	662.688.000
- Thanh lý	(2.545.049.808)	(13.259.466.238)	(552.665.000)	-	(16.357.181.046)
Tại ngày 31/12/2015	9.929.912.502	10.743.652.259	4.051.535.304	89.761.259	24.814.861.324

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 01/01/2015	846.037.065	6.995.762.854	243.732.528	101.686.741	8.187.219.188
Tại ngày 31/12/2015	646.684.359	6.138.471.120	811.191.039	69.778.741	7.666.125.259

* Nguyên giá TSCĐ tại ngày 31/12/2015 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

18.423.683.361 VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.)

12 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2015	4.204.834.235	4.204.834.235
- Chuyển sang TSCĐ hữu hình	(662.688.000)	(662.688.000)
- Thanh lý, nhượng bán	(1.797.103.308)	(1.797.103.308)
Tại ngày 31/12/2015	1.745.042.927	1.745.042.927
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2015	3.805.844.387	3.805.844.387
- Khấu hao trong năm	138.980.262	138.980.262
- Chuyển sang TSCĐ hữu hình	(662.688.000)	(662.688.000)
- Thanh lý, nhượng bán	(1.797.103.308)	(1.797.103.308)
Tại ngày 31/12/2015	1.485.033.341	1.485.033.341
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2015	398.989.848	398.989.848
Tại ngày 31/12/2015	260.009.586	260.009.586

CÔNG TY CỔ PHẦN DIÊM THÔNG NHẤT

Số 670 Ngõ Gia Tự - Đức Giang - Long Biên - Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

13 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Tại ngày 31/12/2015		Tại ngày 01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Xây dựng cơ bản dở dang	9.522.116.291	9.522.116.291	9.510.524.168	9.510.524.168
Dự án di chuyển địa điểm Công ty (*)	8.928.782.350	8.928.782.350	8.928.782.350	8.928.782.350
Tiền thuê đất tại Cụm công nghiệp đa nghề Đông Thọ	8.928.782.350	8.928.782.350	8.928.782.350	8.928.782.350
Hệ thống xử lý nước thải	593.333.941	593.333.941	581.741.818	581.741.818
Sửa chữa lớn TSCĐ	1.200.000	1.200.000	18.675.222	18.675.222
Sửa chữa nhà kếp phân xưởng tổng hợp	-	-	18.675.222	18.675.222
Chi phí sửa chữa xí nghiệp bột lửa	1.200.000	1.200.000	-	-
Cộng	9.523.316.291	9.523.316.291	9.529.199.390	9.529.199.390

(*)

Căn cứ theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, Công ty đang thực hiện chủ trương di dời nhà máy sản xuất để chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại số 670 Ngõ Gia Tự - Long Biên - Hà Nội.

Tháng 10 năm 2012, Công ty Cổ phần Diêm Thông Nhất đã gửi đơn khởi kiện lên Tòa án Nhân dân Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội yêu cầu Tòa án tuyên bố vô hiệu đối với Hợp đồng nguyên tắc số 24/2011/HĐNT - SHL ngày 25/07/2011 ký giữa Công ty với Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Sông Hồng và buộc Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Sông Hồng trả lại số tiền mà Công ty đã ứng trước tiền thuê đất tại Cụm Công nghiệp đa nghề Đông Thọ với giá trị 11.821.660.585 đồng, chi tiết đang được đòi trên các khoản mục sau:

- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang: 8.928.782.350 đồng
- Thuế GTGT được khấu trừ: 892.878.235 đồng
- Trả trước cho người bán: 2.000.000.000 đồng

Tòa án Nhân dân quận Ba Đình theo theo Biên bản xét xử sơ thẩm số 13/2013/HNGĐ-ST ngày 28/11/2013 đã tuyên vô hiệu Hợp đồng kinh tế nói trên, buộc Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Sông Hồng phải trả lại cho Công ty Cổ phần Diêm Thông Nhất số tiền đã ứng trước nêu trên. Tuy nhiên, đến thời điểm lập Báo cáo này bản án nêu trên chưa được thực thi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.)

14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Tại ngày 31/12/2015		Tại ngày 01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả	Giá trị	Số có khả
	VND	năng trả nợ VND	VND	năng trả nợ VND
Phải trả người bán ngắn hạn	10.439.020.145	10.439.020.145	10.509.797.284	10.509.797.284
Công ty TNHH Sản xuất và TM Tiền Phúc Bắc Ninh	4.122.390.054	4.122.390.054	3.034.511.699	3.034.511.699
Công ty cổ phần giấy Việt Trì	1.408.303.163	1.408.303.163	2.210.796.779	2.210.796.779
Các đối tượng khác	4.908.326.928	4.908.326.928	5.264.488.806	5.264.488.806
Cộng	10.439.020.145	10.439.020.145	10.509.797.284	10.509.797.284

Trong đó:

	Tại ngày 31/12/2015		Tại ngày 01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả	Giá trị	Số có khả
	VND	năng trả nợ VND	VND	năng trả nợ VND
Phải trả người bán là các bên liên quan				
- Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì	1.408.303.163	1.408.303.163	2.210.796.779	2.210.796.779
- Công ty Giấy Tissue Sông Đuống	265.484.401	265.484.401	347.609.878	347.609.878
Cộng	1.673.787.564	1.673.787.564	2.558.406.657	2.558.406.657

15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại ngày 01/01/2015 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Tại ngày 31/12/2015 VND
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	157.803.586	10.430.355.847	10.236.821.896	308.844.185
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	9.967.518.606	9.742.430.713	218.487.893
Thuế xuất, nhập khẩu	-	18.579.604	1.072.900	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	157.803.586	347.537.207	421.727.453	83.613.340
Thuế thu nhập cá nhân	-	96.720.430	71.590.830	6.742.952
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.585.054.732	1.585.054.732	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	643.263.108	4.606.812.895	5.207.582.651	1.072.900
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	607.369.756	4.606.812.895	5.207.582.651	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	558.721.646	559.794.546	1.072.900
Thuế xuất, nhập khẩu	17.506.704	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	18.386.648	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.)

16 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Tại ngày 31/12/2015 VND	Tại ngày 01/01/2015 VND
Tiền ăn ca tháng 12/2015	3.420.000	-
Chi phí tiền điện từ 08/12/2015-31/12/2015	550.834.290	519.231.630
Chi phí bán hàng (vận chuyển, quảng cáo...)	87.624.336	-
Cộng	641.878.626	519.231.630

17 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Tại ngày 31/12/2015 VND	Tại ngày 01/01/2015 VND
Ngắn hạn	12.155.589.199	12.920.005.150
- Kinh phí công đoàn	43.574.819	219.867.580
- Bảo hiểm xã hội	-	-
- Bảo hiểm y tế	-	13.044.329
- Thanh toán tạm ứng chưa chi tiền	24.433.904	48.098.000
- Phải trả phải nộp khác, trong đó:	12.087.580.476	12.638.995.241
<i>Trường mầm non Thống Nhất</i>	<i>1.075.541.762</i>	<i>1.132.216.527</i>
<i>Công ty CP Tư vấn đầu tư xây dựng Ba Đình</i>	<i>10.000.000.000</i>	<i>10.000.000.000</i>
<i>Tiền thanh lý khu nhà tập thể</i>	<i>403.563.714</i>	<i>403.563.714</i>
<i>Công ty CP Đầu tư BĐS Thiên Đông</i>	<i>500.000.000</i>	<i>700.000.000</i>
<i>Phải trả các đối tượng khác</i>	<i>108.475.000</i>	<i>403.215.000</i>
Cộng	12.155.589.199	12.920.005.150

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.)

18 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Tại ngày 01/01/2015		Trong năm		Tại ngày 31/12/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	729.823.120	729.823.120	7.638.643.086	3.391.921.794	4.976.544.412	4.976.544.412
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Đông Đô (VND)	729.823.120	729.823.120	6.045.290.486	3.391.921.794	3.383.191.812	3.383.191.812
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Thành Đô (USD)	-	-	1.593.352.600	-	1.593.352.600	1.593.352.600
Cộng	729.823.120	729.823.120	7.638.643.086	3.391.921.794	4.976.544.412	4.976.544.412

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.)

19 VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND				
Tại ngày 01/01/2014	20.000.000.000	240.000.000	4.992.041.715	341.887.809	25.573.929.524	
- Tăng vốn trong năm	2.000.000.000	170.000.000	-	-	2.170.000.000	
- Lãi trong năm	-	-	-	2.418.029.262	2.418.029.262	
- Trích lập bổ sung quỹ	-	-	120.901.463	(241.802.927)	(120.901.464)	
- Giảm khác	-	-	-	(108.992.060)	(108.992.060)	
Tại ngày 31/12/2014	22.000.000.000	410.000.000	5.112.943.178	2.409.122.084	29.932.065.262	
Tại ngày 01/01/2015	22.000.000.000	410.000.000	5.112.943.178	2.409.122.084	29.932.065.262	
- Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	
- Lãi trong năm	-	-	-	1.970.575.117	1.970.575.117	
- Trích lập bổ sung quỹ	-	-	271.578.963	(589.537.938)	(317.958.975)	
- Chia cổ tức	-	-	-	(1.760.000.000)	(1.760.000.000)	
- Giảm khác	-	-	-	(800.000)	(800.000)	
Tại ngày 31/12/2015	22.000.000.000	410.000.000	5.384.522.141	2.029.359.263	29.823.881.404	

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 ngày 29/4/2015, Công ty phân phối lợi nhuận năm 2014 như sau:

- Chia cổ tức: 8%
- Trích quỹ dự phòng tài chính: 5%
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 5%

Trong năm 2015, Công ty đã tạm trích quỹ là: 347.735.012 đồng, chi tiết như sau:

- Trích quỹ dự phòng tài chính: 197.057.512 đồng
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 150.677.500 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.)

19 VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

19.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2015	Tại ngày 01/01/2015
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	4.429.830.000	4.429.830.000
Vốn góp của các đối tượng khác	17.570.170.000	17.570.170.000
Cộng	22.000.000.000	22.000.000.000

Thực hiện theo công văn số 10187/BCT-TC ngày 02/10/2015 của Bộ Công thương về việc thoái vốn nhà nước của Tổng Công ty Giấy Việt Nam tại Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất, đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán Tổng công ty Giấy Việt Nam đã hoàn thành việc thoái toàn bộ vốn tại Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất.

19.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	22.000.000.000	20.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	2.000.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	22.000.000.000	22.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.760.000.000	-

19.4 Cổ phiếu

	Năm 2015 CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.200.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.200.000
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là VCSH)	
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	
+ Cổ phiếu phổ thông	
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là VCSH)	
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.200.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.200.000
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là VCSH)	
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.)

20 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu		
Doanh thu bán hàng	93.207.534.946	96.939.580.532
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.224.020.495	8.255.665.547
Cộng	102.431.555.441	105.195.246.079
Doanh thu đối với các bên liên quan		
- Tổng Công ty Giấy Việt nam	1.896.795.000	2.355.051.100
- Công ty Giấy Tissue Sông Đuống	1.351.336.936	1.107.577.913
- Công ty cổ phần giấy Việt tri	5.585.357	75.415.191
Cộng	3.253.717.294	3.538.044.204

21 CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
- Hàng bán bị trả lại	2.872.390	19.776.000
Cộng	2.872.390	19.776.000

22 DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu bán hàng	93.204.662.556	96.919.804.532
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.224.020.495	8.255.665.547
Cộng	102.428.683.051	105.175.470.079

23 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	80.045.810.586	84.471.360.284
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.931.607.031	3.293.768.236
Cộng	83.977.417.617	87.765.128.520

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.)

24 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	143.357.447	129.828.812
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	37.571.208	14.128.282
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	48.954.918	30.345.303
Cộng	229.883.573	174.302.397

25 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền vay	113.879.166	198.867.354
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	789.210	40.747.549
Lỗ do chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính	-	33.424.695
Cộng	114.668.376	273.039.598

26 CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Các khoản chi phí bán hàng	5.636.756.449	5.341.614.379
+ Chi phí nhân công	2.372.012.563	2.235.737.125
+ Chi phí vận chuyển, sửa xe, xăng dầu	1.525.771.666	2.376.083.556
+ Các khoản chi phí bán hàng khác	1.738.972.220	729.793.698
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	11.013.570.238	9.951.017.386
+ Chi phí nhân công	4.349.653.163	4.751.926.481
+ Tiền thuê đất	1.585.054.732	1.585.053.136
+ Chi phí dự phòng	2.219.766.315	135.997.852
+ Các khoản chi phí QLDN khác	2.859.096.028	3.478.039.917
Cộng	16.650.326.687	15.292.631.765

27 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	61.521.205.049	65.301.349.286
Chi phí nhân công	22.268.473.443	21.810.904.173
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.307.815.237	2.788.567.285
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.002.877.822	6.757.052.875
Chi phí khác bằng tiền	7.527.372.753	6.399.886.666
Cộng	100.627.744.304	103.057.760.285

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.)

28 THU NHẬP KHÁC

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thanh lý nhượng bán vật tư	77.853.608	40.909.091
Tiền bồi thường do vi phạm hợp đồng kinh tế	360.317.054	-
Hoàn nhập Quỹ dự phòng tiền lương	-	1.035.000.864
Cộng	438.170.662	1.075.909.955

29 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Tổng lợi nhuận kế toán	2.318.112.324	3.094.882.548
Các khoản điều chỉnh tăng giảm lợi nhuận	(53.500.018)	(18.276.703)
+ Điều chỉnh tăng lợi nhuận chịu thuế do:	12.000.000	12.000.000
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>12.000.000</i>	<i>12.000.000</i>
+ Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận do:	65.500.018	30.276.703
<i>Lãi chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện</i>	<i>65.500.018</i>	<i>30.276.703</i>
Lợi nhuận chịu thuế TNDN	2.264.612.306	3.076.605.845
Thuế suất	22%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	498.214.707	676.853.286
Thuế được miễn giảm theo điểm 1 Điều 21 TT số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp	150.677.500	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành phải nộp	347.537.207	676.853.286

30 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận kế toán sau thu nhập chịu thuế	1.970.575.117	2.418.029.262
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	48.954.918	30.345.303
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>48.954.918</i>	<i>30.345.303</i>
+ <i>Lãi chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện</i>	<i>48.954.918</i>	<i>30.345.303</i>
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.921.620.199	2.387.683.959
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	2.200.000	2.187.945
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	873	1.091

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.)

31 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các thành viên góp vốn thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm các khoản nợ thuần và phần vốn góp của các thành viên góp vốn của Công ty gồm vốn góp các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Tại ngày 31/12/2015 VND	Tại ngày 01/01/2015 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.171.375.997	5.984.209.347
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	2.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	19.995.837.995	18.468.025.406
Cộng	34.167.213.992	26.452.234.753
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	4.976.544.412	729.823.120
Phải trả người bán và phải trả khác	22.551.034.525	23.196.890.525
Chi phí phải trả	641.878.626	519.231.630
Cộng	28.169.457.563	24.445.945.275
Trạng thái ròng	5.997.756.429	2.006.289.478

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.)

31 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (tiếp)

Rủi ro thị trường

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến rủi ro thị trường.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty không chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, do đó, Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và dòng tiền của các khoản gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.)

31 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (tiếp)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2015			
Vay và nợ ngắn hạn	4.976.544.412	-	4.976.544.412
Phải trả người bán và phải trả khác	22.551.034.525	-	22.551.034.525
Chi phí phải trả	641.878.626	-	641.878.626
Cộng	28.169.457.563	-	28.169.457.563
Tại ngày 01/01/2015			
Vay và nợ ngắn hạn	729.823.120	-	729.823.120
Phải trả người bán và phải trả khác	23.196.890.525	-	23.196.890.525
Chi phí phải trả	519.231.630	-	519.231.630
Cộng	24.445.945.275	-	24.445.945.275

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính chưa gồm lãi từ các tài sản đó. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.171.375.997	-	14.171.375.997
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	19.995.837.995	-	19.995.837.995
Cộng	34.167.213.992	-	34.167.213.992
Tại ngày 01/01/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.984.209.347	-	5.984.209.347
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	18.468.025.406	-	18.468.025.406
Cộng	26.452.234.753	-	26.452.234.753

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.)

32 THÔNG TIN CÁC BÊN LIÊN QUAN

32.1 Giao dịch với bên liên quan

	Mối quan hệ	Năm 2015	Năm 2014
		VND	VND
Mua hàng			
Công ty Giấy Tissue Sông Đuống	Công ty trong Tổng Công ty	2.500.418.182	2.038.060.000
Công ty cổ phần giấy Việt trì	Công ty trong Tổng Công ty	5.051.885.032	7.389.826.899
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc		788.356.000	1.508.834.000

33 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty đã kiểm toán và một số chỉ tiêu được trình bày lại phù hợp Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính để so sánh số liệu năm nay. Cụ thể:

Chỉ tiêu	Tại ngày 01/01/2015	Tại ngày	Chênh lệch
	theo Thông tư 200/2014/TT-BTC	31/12/2014 theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC	
	VND	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khác	2.089.471.536	68.893.518	2.020.578.018
Tài sản ngắn hạn khác	-	2.020.578.018	(2.020.578.018)
Quỹ đầu tư phát triển	5.112.943.178	3.132.592.830	1.980.350.348
Quỹ Dự phòng tài chính	-	1.980.350.348	(1.980.350.348)



(Signature)
Nguyễn Hưng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2016

(Signature)

Ngô Thị Hằng
Kế toán trưởng

(Signature)

Ngô Thị Hằng
Người lập biểu